

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST- Việc HN&GD ngày 04 tháng 10 năm 2021, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự

1. Anh Trần Ngọc D , sinh năm 1991

ĐKHKTT: Xóm Đồng Lắm, Phú Cốc, xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

2. Chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1992

ĐKHKTT: Xóm Đồng Lắm, Phú Cốc, xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Ngọc D và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 27/10/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm và nhiều mâu thuẫn trong nội bộ gia đình mà không thể hòa giải được, từ cách sống và suy nghĩ của hai vợ chồng cũng hoàn toàn khác nhau nên đã xảy ra xung đột. Do vậy, cả hai cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thỏa thuận về ly hôn; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 10 năm 2021, là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh D có 02 con chung cháu: Trần Trung K , sinh ngày 21/5/2017; Trần Trung H , sinh ngày 21/5/2020. Anh D , chị N thỏa thuận giao con chung thứ nhất: Trần Trung K , sinh ngày 21/5/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung thứ hai Trần Trung H , sinh ngày 21/5/2020 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không đặt ra việc cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Ngọc D và chị Nguyễn Thị N xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

[4] Khoản nợ chung: Anh Trần Ngọc D và chị Nguyễn Thị N xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về vấn đề khác: Không có.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Ngọc D và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Ngọc D và chị Nguyễn Thị N .

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung như sau: Giao con chung thứ nhất cháu: Trần Trung K , sinh ngày 21/5/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động; Giao con chung thứ hai cháu: Trần Trung H , sinh ngày 21/5/2020 cho anh Trần Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người đều nuôi một con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi bên cho đến khi có thay đổi yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh D , chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết anh D , chị N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Không có không đặt ra việc giải quyết.

- *Khoản nợ chung, khoản cho vay chung:* Không có không đặt ra việc giải quyết.

- *Về vấn đề khác:* Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Ngọc D và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Anh D , chị N được

đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001862 ngày 04/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Tân Phú, TX Phổ Yên (nơi ĐK kết hôn);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Hồ sơ VDS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà